TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2427/CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026

V/v mời cung cấp báo giá vật tư van các loại cho các hệ thống phục vụ BDSCĐK năm 2027 của NMNĐ Thái Bình 2.

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (Chi nhánh) đang có nhu cầu mua sắm vật tư van các loại cho các hệ thống phục vụ Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2027 của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Chi nhánh kính mời các Quý công ty có uy tín, năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp vật tư van các loại cho các hệ thống phục vụ vận hành các Nhà máy công nghiệp quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:

✓ Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như *Phụ lục phạm vi công việc đính kèm*.

✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.

- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Hàng hóa về trước ngày 20/9/2027 (*đề nghị báo giá ghi rõ cung cấp hàng trong khoảng thời gian bao nhiêu ngày*).
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 17h00 ngày 04/12/2026.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Hình thức nhận báo giá: Các đơn vị gửi báo giá (file scan, được ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý công ty như *Phụ lục biểu chào giá đính kèm)* qua thư điện tử theo các địa chỉ Email: nhanbaogia.hn@pvpgb.vn; ngabtt@pvpgb.vn.
- Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Bà Bùi Thị Thanh Nga – Phòng Thương mại, Tel: 0904217879.

Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc CN (để b/c);
- PGĐ H.Q.Thắng (e-copy);
- Lưu: VT, TM (BTTN).

Đính kèm:
- Phụ lục Phạm vi công việc.
- Phụ lục Biểu chào giá.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Hưng

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 948/CV-TM/2026

PHỤ LỤC PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Như đính kèm)

vanthuhn - 16:54 23/11/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 948/CV-TM/2026

PHỤ LỤC BIỂU CHÀO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 2427/CNPĐ-TM ngày 23 /11/2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VNĐ	Thành tiền (trước thuế) VNĐ
1	Cung cấp vật tư vật tư van các loại cho các hệ thống phục vụ BDSCĐK năm 2027 của NMNĐ Thái Bình 2					
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: ..... đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)

vanthuhn - 16:54 23/11/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 948/CV-TM/2026

Biểu mẫu BM-SCĐK-04

TB2027.CN-SCĐK-09: PVCV MUA SẮM VẬT TƯ VAN CÁC LOẠI CHO CÁC HỆ THỐNG PHỤC VỤ BĐSC ĐỊNH KỲ NĂM 2027 - NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2

Stt	Mã hạng mục	Hệ thống /thiết bị	KKS	Thông số chính của thiết bị	Mã VT	Tên vật tư /phụ tùng	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	ĐVT	Số lượng mua sắm	Yêu cầu kỹ thuật/ Tiêu chuẩn nghiệm thu/ Tài liệu kỹ thuật tham chiếu	Ghi chú
1						Packing set	Part 13: Packing set Material: Graphite	Fisher		Bộ	2	TB2-SDC.VP101-00LCQ-M-M1A-DSE-9030	
2					51932067	Packing	Part No. 8: PACKING SET (2EA): END/WIPER RING, DIE FORMED RING. OD x ID x HT: (1 x 5/8 x 3/16) / (1 x 5/8 x 3/16) inch, dieformed graphitic / woven graphitic. (Packing cho Globe valve DN32 (1 1/4"), class ASME 2155STD)	Conval		Bộ	8	TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-DSU-0035; TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-MAN-0002 REV.1 (Trang 11/18) - CONVALVE;	
3					51932066	Packing	Packing Globe valve DN100 (4"), class ASME 2155STD: 1 3/4 x 1 1/8 x 3/8 (inch) 1 3/4 x 1 1/8 x 5/16 (inch) Gồm 03 vòng kích thước 1 3/4 x 1 1/8 x 3/8 (inch) và 02 vòng kích thước 1 3/4 x 1 1/8 x 5/16 (inch) End/wiper rings - die formed rings - Flexible Graphite	Conval		Bộ	12	TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-DSU-0037 TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-MAN-0002 REV.1 (Trang 11/18) - CONVALVE	
4					48543095	Packing	Packing Globe valve DN100 (4"), class ASME 2155STD Model: 4-12G4CJ-1050L: KT:1 7/8 x 1 1/4 x 5/8 (inch) 1 7/8 x 1 1/4 x 5/16 (inch) End/wiper rings - die formed rings - Flexible Graphite (Mỗi bộ gồm 2 vòng cho mỗi loại kích thước)	Conval		Bộ	1	TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-DSU-0033 TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-MAN-0002 REV.1 (Trang 11/18) - CONVALVE	
5					51931267	Packing+B/B Gasket+Seat Gasket for continuous drain control valve	Part no.2:packing Part no.3:gasket	SPX/COPES-VULCAN		Bộ	1	TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-DSU-0038	
6					58561190	Gasket ring van 100% cấp nước lò hơi; Gasket ring; 491.8x429x50x20 mm mm	Gasket ring: No.6 Material:316+graphite	Qingdao Power Station Valve Co.,Ltd.		Cái	1	TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-DSU-0052	
7					58560070	Packing; Ø70 x Ø50 x 77 mm	Packing: No.25 Material: graphite	Qingdao Power Station Valve Co.,Ltd.		Bộ	1	TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-DSU-0052	
8					51977011	Stem	No.4: Stem Material:38CrMoA1A	Qingdao Power Station Valve Co.,Ltd.		Cái	1	TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-DSU-0052	
9					51988019	Van tay Globe valve DN32, class ASME 2155STD	HAND VALVE: Globe Van DN32 Class ASME 2155LTD Model No. 1.25-12G5CJ-F225F	Conval		Cái	2	TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-DSU-0009	
10					53202016	Air Relief Valve (Van vent vòi thổi bụi IK545EL)	Air Relief Valve (Van vent vòi thổi bụi IK545EL) Part No. 343503-1038	Diamond Power		Cái	1	Ảnh đính kèm: Part no 343503-1038 Air relief valve	
11					43712033	Lead Screw (Metric) M25×5 × L=475, Shoulder Ø45, Material C45; Major Ø25; Pitch 5; Shoulder Ø45 mm; M25×5	Lead Screw (Metric) M25×5 × L=475, Shoulder Ø45, Material C45; Major Ø25; Pitch 5; Shoulder Ø45 mm; M25×5		Việt Nam	Cái	3	Bản vẽ chế tạo Van điện nạp bi online máy nghiền Bộ vitme - đai ốc ty van nạp bi	
12					43900141	Lead Screw Nut (Brass), OD 80 × H 70; Lead screw nut; Ø80 × 70 mm	Lead Screw Nut (Brass), OD 80 × H 70; Lead screw nut; Ø80 × 70 mm		Việt Nam	Cái	2	Bản vẽ chế tạo Van điện nạp bi online máy nghiền Bộ vitme - đai ốc ty van nạp bi	
13						Packing set	Part 10: Packing set Material: Graphite	Fisher		Bộ	1	TB2-SDC.VP101-00LCQ-M-M1A-DSE-9032	
14						Valve Seat Seal	Valve Seat Seal: P/N. 2 Material: Graphite + SS316 Valve type: Globe control valve ZJHM -300LB-DN150	Haerbin VALVE		Cái	1	TB2-SDC.VP101-00LCQ-M-M1A-DSE-9091	
15						Seal gasket	Valve Seat Seal: P/N. 5 Material: Graphite + SS304 Valve type: Globe control valve ZJHM -300LB-DN150	Haerbin VALVE		Cái	2	TB2-SDC.VP101-00LCQ-M-M1A-DSE-9091	

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 691/PTr-KTATMT/2026

TB2027.CN-SCĐK-09: PVCV MUA SẮM VẬT TƯ VAN CÁC LOẠI CHO CÁC HỆ THỐNG PHỤC VỤ BDSC ĐỊNH KỲ NĂM 2027 - NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2

Stt	Mã hạng mục	Hệ thống /thiết bị	KKS	Thông số chính của thiết bị	Mã VT	Tên vật tư /phụ tùng	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	ĐVT	Số lượng mua sắm	Yêu cầu kỹ thuật/ Tiêu chuẩn nghiệm thu/ Tài liệu kỹ thuật tham chiếu	Ghi chú
16					51932078	Packing set	P/N. 13A: 02 rings, Material: Braided graphite. P/N. 13B: 03 rings: Material: Die formed Flexible Graphite.	Velan		Bộ	2	TB2-SDC.VP101-00LCQ-M-M1A-DSE-9019	P/N. 13A: 02 rings, Material: Braided graphite. P/N. 13B: 03 rings: Die formed Flexible Graphite. Đo thực tế: ID1.25 inch x OD2.27 inch (ID32mm x OD58 mm).
17						PACKING for Valve Z941H-300(LB)-DN200	Packing for valve type: Z941H, class 300(LB), DN200. Part No. 8: 200Z941H-300C-08 Material: Graphite	QINGDAO VALVE		Bộ	1	TB2-SDC.VP101-00LCQ-M-M1A-DSE-9077	
18						Gasket for Valve Z941H-300(LB)-DN200	Gasket for valve type: Z941H, class 300(LB), DN200. Part No. 6: 200Z941H-300C-06. Material: Graphite	QINGDAO VALVE		Cái	1	TB2-SDC.VP101-00LCQ-M-M1A-DSE-9077	
19						PACKING-Z41H-300(LB)C-DN100	Packing for valve type: Z41H, class 300(LB), DN100 . Part No.11: 100Z41H-300C-11 Material: Graphite	QINGDAO VALVE		Bộ	3	TB2-SDC.VP101-00LCQ-M-M1A-DSE-9060	
20						GASKETS-Z41H-300(LB)C-DN100	GASKETS-Z41H-300(LB)C-DN300 Part No.6: 100Z41H-300C-06 Material: 304+Graphite	QINGDAO VALVE		Cái	3	TB2-SDC.VP101-00LCQ-M-M1A-DSE-9060	
21						PACKING-Z41H-150(LB)C-DN300	Packing for valve type: Z41H, class 150(LB), DN300. Part No.11: 300Z41H-150C-11 Material: Graphite	QINGDAO VALVE		Bộ	1	TB2-SDC.VP101-00LCQ-M-M1A-DSE-9056	
22						GASKETS-Z41H-150(LB)C-DN300	CLADING GASKETS-Z41H-150(LB)C-DN300. Part No.7: 300Z41H-150C-07 Material: 304+Graphite	QINGDAO VALVE		Cái	1	TB2-SDC.VP101-00LCQ-M-M1A-DSE-9056	
23					51931419	Packing + Gasket + seal van xả thường HP8 về HP7 (11/21LCH83AA001)	Bộ vật tư làm kín Van xả thường HP8 về HP7 -1 bộ bao gồm: - Part No.8: Balance seal Vật liệu: 316SS+Teflon -1 cái. - Part No.9: Gasket. Vật liệu: 304+Graphite -2 cái - Part No. 10:Gasket. Vật liệu: 304+Graphite- 1 cái - Part No.13: Packing set. Vật liệu: Graphite.	IMI CCI		Bộ	1	TB2-SDC.VP431-00100-I-I1-DGA-0001_Rev.4 Trang 9/37	
24					51931463	Packing + Gasket + seal van xả thường HP7 về HP6 (11/21LCH73AA001)	Bộ vật tư làm kín Van xả thường HP7 về HP6 -1 bộ bao gồm: - Part No.8: Balance seal Vật liệu: 316SS+Teflon -1 cái. - Part No.9: Gasket. Vật liệu: 304+Graphite -2 cái - Part No. 10:Gasket. Vật liệu: 304+Graphite- 1 cái - Part No.13: Packing set. Vật liệu: Graphite.	IMI CCI		Bộ	1	TB2-SDC.VP431-00100-I-I1-DGA-0001_Rev.4 Trang 8/37	
25					51931466	Packing + Gasket + seal van xả thường LP4 về LP3 (LCV-11/21LCJ43AA001)	Bộ vật tư làm kín van xả thường Lp4 về Lp3-1 bộ bao gồm: Part no.10: packing rings set vật liệu PTFE Part no. 14: plug seal ring vật liệu CARB/PTFE 'U' seal Part no. 20: bonet gasket vật liệu 316 Stainless steel & Graphite Part no. 21: seat gasket vật liệu 316 Stainless steel & Graphite Part no. 22: upper gasket vật liệu 316 Stainless steel & Graphite	WEIR		Bộ	1	TB2-SDC.VP407-00100-I-I1-DGA-0001_Rev.6 (DWG NO: WI-BV500-150A-018) Trang 21/67	

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 691/PTr-KTATMT/2026

TB2027.CN-SCĐK-09: PVCV MUA SẮM VẬT TƯ VAN CÁC LOẠI CHO CÁC HỆ THỐNG PHỤC VỤ BĐSC ĐỊNH KỲ NĂM 2027 - NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2

Stt	Mã hạng mục	Hệ thống /thiết bị	KKS	Thông số chính của thiết bị	Mã VT	Tên vật tư /phụ tùng	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	ĐVT	Số lượng mua sắm	Yêu cầu kỹ thuật/ Tiêu chuẩn nghiệm thu/ Tài liệu kỹ thuật tham chiếu	Ghi chú
26					51931467	Packing + Gasket + seal van xả thường LP3 về LP2 (LCV-11/21LCJ33AA001)	Bộ vật tư làm kín van xả thường Lp3 về Lp2-1 bộ bao gồm: Part no.10: packing rings set vật liệu PTFE Part no. 14: plug seal ring vật liệu CARB/PTFE 'U' seal Part no. 20: bonet gasket vật liệu 316 Stainless steel & Graphite Part no. 21: seat gasket vật liệu 316 Stainless steel & Graphite Part no. 22: upper gasket vật liệu 316 Stainless steel & Graphite	WEIR		Bộ	1	TB2-SDC.VP407-00100-I-I1-DGA-0001_Rev.6 (DWG NO: WI-BV500-200A-020) Trang 23/67	
27					51931468	Packing + Gasket + seal van xả thường LP2 về LP1 (LCV-11/21LCJ23AA001)	Bộ vật tư làm kín van xả thường Lp2 về Lp1-1 bộ bao gồm: Part no.10: packing rings set vật liệu PTFE Part no. 14: plug seal ring vật liệu CARB/PTFE 'U' seal Part no. 20: bonet gasket vật liệu 316 Stainless steel & Graphite Part no. 21: seat gasket vật liệu 316 Stainless steel & Graphite Part no. 22: upper gasket vật liệu 316 Stainless steel & Graphite	WEIR		Bộ	1	TB2-SDC.VP407-00100-I-I1-DGA-0001_Rev.6 (DWG NO: WI-BV500-250A-022) Trang 25/67	

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 691/PTr-KTATMT/2026